TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 31/12/2024
V/v "*Tranh chấp ly hôn, hợp đồng góp hụi và vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tư**.

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thành Tân**

Ông **Phạm Trường Thọ**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long***: Ông Đỗ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2024/TLPT-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, hợp đồng góp hụi, vay tài sản".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 110/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Cao Thị Cẩm H (Cao Thị Cẩm H)**, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh **Dương Văn G**, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Trần Thúy P, sinh năm 1984.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1974.

5. Ông Võ Văn H2, sinh năm 1962.

6. Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1968.

7. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1976.

8. Ông Trần Văn Ú, sinh năm 1978

9. Bà Lê Thị M, sinh năm 1962.

10. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

11. Bà Võ Thị Thu T1, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

12. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1959

13. Bà Mai Thị Tố M1, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

14. Ông Dương Văn B, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

15.Anh Phạm Ngọc P1, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền anh Phạm Ngọc P1 là bà Trần Thị T3, sinh năm 1960 (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/4/2024).

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

16. Chị Cao Thị Cẩm H5, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền chị Cao Thị Cẩm H5 là bà Trần Thị T3, sinh năm 1960 (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/4/2024).

17. Bà Trần Thị T3, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Dương Văn G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Cao Thị Cẩm H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn G do mai mối rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V. Sau ngày cưới vợ chồng chị sống chung gia đình cha mẹ ruột của chị. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 14 năm đến tháng 5 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi, anh G ghen tuông vô cớ, anh G còn dùng lời lẽ xúc phạm hâm dọa chị, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh G đã không còn sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh G.

- Về con chung: Chị và anh G có hai con chung tên Dương Hải Đ, sinh ngày 23/01/2012 và Dương Ngọc Trăm A, sinh ngày 18/01/2021. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ và cháu Trăm A, chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải trả:

+ Nợ Cao Thị Cẩm H5 100.000.000đ vay để trả nợ hụi.

+ Nợ Phạm Ngọc P1 50.000.000đ để trả nợ hụi.

+ Nợ bà Trần Thị T3 30 chỉ vàng 24K và 150.000.000đ để trả nợ hụi.

+ Nợ các hụi viên tổng cộng số tiền là 460.250.000đ.

Tổng cộng vợ chồng còn nợ số tiền là 610.250.000đ, không tính số tiền nợ của mẹ bà là Trần Thị T3.

Chị đồng ý trả 1/2 số nợ trên, chị yêu cầu anh G trả 1/2 số nợ trên.

Bị đơn anh Dương Văn G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị H về thời gian vợ chồng chung sống. Anh bổ sung thêm mâu thuẫn vợ chồng do anh thấy chị H có nhắn tin qua lại với người đàn ông khác nên anh không đồng ý. Ngoài ra vợ chồng không có cự cãi, anh không có xúc phạm hay hâm dọa chị H, anh và chị H không có ly thân hiện nay vợ chồng vẫn còn sống chung với nhau. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý mà anh yêu cầu được đoàn tụ vì anh còn thương vợ thương con.

- Về con chung: Anh và chị H có hai con chung tên Dương Hải Đ, sinh ngày 23/01/2012 và Dương Ngọc Trăm A, sinh ngày 18/01/2021. Nếu phải ly hôn anh đồng ý giao cháu Đ và cháu Trăm A cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải trả: Nợ hụi ông B số tiền 110.000.000đ, anh đồng ý trả cho ông B số tiền nợ hụi là 60.000.000đ, anh yêu cầu chị H trả cho ông B là 50.000.000đ. Đối với số tiền nợ hụi của các hụi viên còn lại và tiền vay của chị H5, anh P1 thì anh không đồng ý trả vì đó là nợ riêng của chị H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thúy P trình bày:

Chị là hụi viên, còn chị H và anh G là đầu thảo hụi, trong danh sách hụi chị thứ tự thứ 9 tên "Hây (P)". Hụi khui ngày 20/11(âl)/2019, mãn ngày 20/01(âl)//2023 chị tham gia 01 phần, loại hụi lúa nhưng quy ra tiền 5.000.000đ, bốn tháng khui hụi một lần, có 13 phần, chị góp được 08 lần hụi sống đến lần thứ 09 thì hụi bị bể. Hụi bị bể chị H có chốt hụi lại với chị là chị H thiếu chị là 40.000.000đ. Sau đó chị H trả cho chị được 26.000.000đ còn nợ lại chị 14.000.000đ. Nay chị yêu cầu anh G trả cho chị số tiền nợ hụi là 7.000.000đ. Chị yêu cầu chị H trả cho chị số tiền nợ hụi là 7.000.000đ vì đây là nợ chung của anh G và chị H, trong các lần gom hụi thì anh G có đến nhà chị gom hụi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T trình bày:

Bà là hụi viên, còn chị H và anh G là đầu thảo hụi, trong danh sách hụi bà số thứ tự số 8 "cô 6 Thơm". Hụi khui ngày 20/11(âl)/2019, loại hụi lúa nhưng quy ra tiền

5.000.000đ, bốn tháng khui hụi một lần, bà tham gia một phần, có 13 phần, bà góp được 08 lần hụi sống đến lần thứ 09 thì hụi bị bể. Sau khi hụi bị bể chị H có chốt tiền hụi lại với bà là chị H thiếu bà 40.000.000đ, sau đó chị H đã trả cho bà được 17.100.000đ nên chị H còn thiếu tiền hụi bà là 22.900.000đ. Nay bà yêu cầu anh G trả cho bà số tiền nợ hụi là 11.450.000đ. Bà yêu cầu chị H trả cho bà số tiền nợ hụi là 11.450.000đ. Trong các lần gom hụi thì anh G có đến nhà bà gom hụi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị N trình bày:

Bà là hụi viên, còn chị H và anh G là đầu thảo hụi. Bà tham gia 02 dây cụ thể:

Dây 1: Hụi khui ngày 20/11(âl)/2019, bà tham gia 01 phần, trong danh sách hụi bà thứ tự số 5 "Mợ ba Ở" loại hụi lúa nhưng quy ra tiền 5.000.000đ, bốn tháng khui hụi một lần, có 13 phần, bà góp được 08 lần hụi sống đến lần thứ 09 thì hụi bị bể. Hụi bị bể chị H có chốt tiền hụi lại với bà là 40.000.000đ.

Dây 2: Hụi khui ngày 10/9(âl)/2021, trong danh sách hụi bà thứ tự số 1 "Mợ ba Ở" bà tham gia 01 phần, loại hụi tiền 2.000.000đ, một tháng khui hụi một lần, có 17 phần, bà góp được 09 lần hụi sống đến lần thứ 10 thì hụi bị bể. Hụi bị bể chị H có chốt tiền hụi lại với bà là 18.000.000đ.

Trong 02 dây hụi trên chị H có chốt hụi lại với bà số tiền còn nợ là 58.000.000đ, sau đó chị H trả cho bà được 31.200.000đ còn thiếu lại bà 26.800.000đ. Nay bà yêu cầu anh G trả cho bà số tiền nợ hụi là 13.400.000đ. Bà yêu cầu chị H trả cho bà số tiền nợ hụi là 13.400.000đ. Trong các lần gom hụi thì anh G có đến nhà bà gom hụi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Văn H1 trình bày:

Ông làm đầu thảo hụi còn anh G và chị H là hụi viên. Ông H và anh G tham gia 01 dây hụi mùa, ngày mở hụi ngày 26/9(âl)/2019 ngày mãn hụi ngày 16/5(âl)/2024, nhưng quy ra tiền 5.000.000đ, bốn tháng khui hụi một lần, trong danh sách hụi chị H thứ tự số 8 tên "Cẩm Hiên" có 15 phần, tiền huê hồng cho đầu thảo là 1.500.000đ/lần khui hụi, chị H và anh G tham gia một phần, chị H và anh G đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 5 được số tiền 53.000.000đ. Sau đó anh G và chị H có đóng cho ông được 04 lần hụi chết, còn lại 05 lần hụi chết không đóng, ông phải choàng hụi cho chị H và anh G là 05 lần là 25.000.000đ nhưng chị H đã trả cho ông được 4.000.000đ còn nợ lại ông là 21.000.000đ. Nay ông yêu cầu anh G trả cho ông số tiền nợ hụi là 10.500.000đ. Ông yêu cầu chị H trả cho ông số tiền nợ hụi là 10.500.000đ. Trong các lần ông gom hụi thì anh G có đến nhà ông để đóng hụi cho ông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Văn H2 trình bày:

Ông là hụi viên, còn chị H và anh G là đầu thảo hụi. Hụi khui ngày 20/11(âl)/2019, ông tham gia 01 phần, loại hụi lúa nhưng quy ra tiền 5.000.000đ, bốn tháng khui hụi một lần, có 13 phần, trong danh sách hụi ông thứ tự số 6 "Cô 3 Bông" ông góp được 08 lần hụi sống đến lần thứ 09 thì hụi bị bể. Hụi bị bể chị H có chốt tiền hụi lại với bà là chị H thiếu ông là 40.000.000đ, nhưng sau đó chị H trả cho ông được 10.000.000đ còn nợ lại ông là 30.000.000đ. Nay ông yêu cầu anh G trả cho ông số tiền nợ hụi là 15.000.000đ. Ông yêu cầu chị H trả cho ông số tiền nợ hụi là 15.000.000đ. Trong các lần gom hụi thì anh G có đến nhà ông gom hụi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H3 trình bày:

Ông là hụi viên, còn chị H và anh G là đầu thảo hụi. Hụi khui ngày 10/9(âl)/2017, ông tham gia 01 phần, loại hụi lúa nhưng quy ra tiền 2.000.000đ, bốn tháng khui hụi một lần, có 17 phần, trong danh sách hụi ông thứ tự số 8 "Cô Út Đ1" ông góp được 14 lần hụi sống đến lần thứ 15 thì hụi bị bể. Hụi bị bể chị H có chốt tiền hụi lại với bà là chị H thiếu ông là 28.000.000đ, sau đó chị H trả cho ông được 14.950.000đ nên nay chị H thiếu ông là 13.050.000đ. Nay ông yêu cầu anh G trả cho ông số tiền nợ hụi là 6.525.000đ. Ông yêu cầu chị H trả cho ông số tiền nợ hụi là 6.525.000đ. Trong các lần gom hụi thì anh G đến nhà ông để gom tiền hụi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H4 trình bày:

Bà là hụi viên, còn chị H và anh G là đầu thảo hụi. Bà tham gia 02 dây hụi cụ thể:

Dây 1: Hụi khui ngày 04/02(âl)/2018, bà tham gia 01 phần, trong danh sách hụi bà thứ 7 "cô Út T4" loại hụi lúa nhưng quy ra tiền 5.000.000đ, bốn tháng khui hụi một lần, có 15 phần, bà góp được 13 lần hụi sống đến lần thứ 14 thì hụi bị bể. Hụi bị bể chị H có chốt lại số tiền nợ hụi với bà là 65.000.000đ.

Dây 2: Hụi khui ngày 20/02(âl)/2020, bà tham gia 01 phần, trong danh sách hụi bà thứ 7 "Út Thơm" loại hụi lúa nhưng quy ra tiền 3.000.000đ, bốn tháng khui hụi một lần, có 11 phần, bà góp được 07 lần hụi sống đến lần thứ 08 thì hụi bị bể. Hụi bị bể chị H có chốt lại số tiền nợ hụi với bà là 21.000.000đ.

Trong 02 dây hụi trên chị H có chốt tiền hụi lại với bà là chị H thiếu bà là 86.000.000đ, sau đó chị H đã trả cho bà 49.920.000đ, nay chị H còn nợ bà 36.080.000đ. Nay bà yêu cầu anh G trả cho bà số tiền nợ hụi là 18.040.000đ. Bà yêu cầu chị H trả cho bà số tiền nợ hụi là 18.040.000đ. Trong các lần gom hụi thì anh G đến nhà bà để gom tiền hụi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Văn Ú trình bày:

Ông là hụi viên, còn chị H và anh G là đầu thảo hụi. Hụi khui ngày 10/9 (âl)/2021, loại hụi tiền 2.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui hụi một lần, trong danh sách hụi bà thứ 7 " Cậu Ú". Ông đóng được 08 lần hụi sống đến lần thứ 9 thì hụi bị bể. Hụi bị bể chị H có chốt tiền hụi lại với ông là chị H thiếu ông 11.500.000đ, sau đó chị H đã trả cho ông 1.600.000đ còn nợ ông là 9.900.000đ. Nay ông yêu cầu anh G trả cho ông số tiền nợ hụi là 4.950.000đ. Ông yêu cầu chị H trả cho ông số tiền nợ hụi là 4.950.000đ. Trong các lần gom hụi thì anh G đến nhà ông để gom tiền hụi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị M trình bày: Bà là hụi viên, còn chị H và anh G là đầu thảo hụi. Bà tham gia 02 dây hụi gồm:

Dây 1: Hụi khui ngày 10/9(âl)/2021, bà tham gia 02 phần, trong danh sách hụi bà thứ 9,10 " Tư Màu". loại hụi tiền 2.000.000đ, một tháng khui hụi một lần, có 17 phần, bà góp được 09 lần hụi sống đến lần thứ 10 thì hụi bị bể. Hụi bị bể chị H có chốt lại số tiền nợ hụi với bà là 36.000.000đ.

Dây 2: Hụi khui ngày 20/9(âl)/2021, bà tham gia 01 phần, trong danh sách hụi bà thứ 9 " Tư Màu" loại hụi tiền 500.000đ, một tháng khui hụi một lần, có 12 phần, bà góp được 04 lần hụi sống đến lần thứ 05 thì hụi bị bể. Hụi bị bể chị H có chốt lại số tiền nợ hụi với bà là 2.000.000đ.

Hai dây hụi chị H chốt hụi với bà là 38.000.000đ, sau đó chị H trả cho bà được 50.000đ còn lại 37.950.000đ. Nay bà yêu cầu anh G trả cho bà số tiền nợ hụi là 18.975.000đ. Bà yêu cầu chị H trả cho bà số tiền nợ hụi là 18.975.000đ. Trong các lần gom hụi thì anh G đến nhà bà để gom tiền hụi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị L trình bày: Bà là hụi viên, còn chị H và anh G là đầu thảo hụi. Bà tham gia 03 dây hụi cụ thể:

Dây 1: Hụi khui ngày 10/9(âl)/2017, trong danh sách hụi bà thứ 2 " Chị Tư T5 (L)" , loại hụi tiền 2.000.000đ, bà tham gia 01 phần, loại hụi lúa nhưng quy ra tiền 2.000.000đ, bốn tháng khui hụi một lần, có 17 phần, bà góp được 14 lần hụi sống đến lần thứ 15 thì hụi bị bể. Hụi bị bể chị H có chốt lại số tiền nợ hụi với bà là 28.000.000đ chị H đã trả đủ 28.000.000đ cho bà.

Dây 2: Hụi khui ngày 04/02(âl)/2018, loại hụi tiền 5.000.000đ, trong danh sách hụi bà thứ 3,4 " Tư Thương (L)" bà tham gia 02 phần, loại hụi lúa nhưng quy ra tiền 5.000.000đ, bốn tháng khui hụi một lần, có 15 phần, bà đã hốt một phần hụi được số tiền là 65.000.000đ, chị H đã trả đủ cho bà 65.000.000đ rồi, còn lại một phần bà góp được 13 lần, chị H đã chốt hụi cho bà là chị H thiếu bà là 65.000.000đ, chị H đã trả đủ cho bà 65.000.000đ.

Dây 3: Hụi khui ngày 10/02(âl)/2021, bà tham gia 02 phần,trong danh sách hụi bà thứ 3,4 " Chị Tư T5 (L)" loại hụi lúa nhưng quy ra tiền 5.000.000đ, bốn tháng khui hụi một lần, có 12 phần, bà góp được 05 lần hụi sống đến lần thứ 06 thì hụi bị bể. Hụi bị bể chị H có chốt lại số tiền nợ hụi với bà là 50.000.000đ, chị H đã trả cho bà được 6.930.000đ, còn lại 43.070.000đ.

Nay bà yêu cầu anh G trả cho bà số tiền nợ hụi là 21.535.000đ. Bà yêu cầu chị H trả cho bà số tiền nợ hụi là 21.535.000đ. Trong các lần gom hụi thì anh G đến nhà bà để gom tiền hụi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Thị Thu T1 trình bày:

Bà là hụi viên, còn chị H và anh G là đầu thảo hụi. Hụi khui ngày 10/9(âl)/2017, bà tham gia 01 phần, trong danh sách hụi bà thứ 5 "Chị T6" loại hụi lúa nhưng quy ra tiền 2.000.000đ, bốn tháng khui hụi một lần, có 17 phần, bà góp được 14 lần hụi sống đến lần thứ 15 thì hụi bị bể. Hụi bị bể chị H có chốt lại số tiền nợ hụi với bà là 14.000.000đ, sau đó chị H đã trả cho bà được 1.000.000đ, còn nợ lại bà là 13.000.000đ. Nay bà yêu cầu chị H trả cho bà số tiền nợ hụi là 13.000.000đ. Bà không yêu cầu anh G cùng trả nợ hụi cho bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T2 trình bày:

Ông là hụi viên, còn chị H và anh G là đầu thảo hụi, hụi mở ngày 25/11(âl)/2021, ông tham gia 01 phần, trong danh sách hụi ông thứ 6 "Thiếm 3" loại hụi tiền 2.000.000đ, một tháng khui hụi một lần, có 15 phần, ông góp được 8 lần hụi sống đến lần thứ 9 thì hụi bị bể. Hụi bị bể chị H có chốt lại số tiền nợ hụi với ông là 16.000.000đ.

Ngoài ra ông làm đầu thảo hụi còn chị H và anh G là hụi viên, chị H, anh G tham gia của ông 02 dây

Dây 1: hụi mở ngày 09/02(âl)/2022, mãn hụi ngày 02/9(âl)/2023, chị H tham gia 01 phần, trong danh sách hụi bà thứ 8 "Cẩm Hiên" loại hụi tiền 2.000.000đ, một

tháng khui hụi một lần, có 20 phần, chị H hốt hụi ở lần khui hụi thứ 2, sau đó chị H không đóng hụi chết cho ông nên ông đã choàng hụi cho chị H là 18 lần với số tiền là 36.000.000đ.

Dây 2: hụi mở ngày 16/3(âl)/2022, mãn hụi ngày 16/5(âl)/2023, chị H tham gia 01 phần, trong danh sách hụi bà thứ 9 "Cẩm Hiên" loại hụi tiền 2.000.000đ, một tháng khui hụi một lần, có 15 phần, chị H hốt hụi ở lần khui hụi thứ 4, sau đó chị H không đóng hụi chết cho ông nên ông đã choàng hụi cho chị H là 11 lần với số tiền là 22.000.000đ.

03 dây hụi trên chị H và anh G thiếu tiền hụi bà là 74.000.000đ. Nay ông yêu cầu anh G trả cho bà số tiền là 37.000.000đ. Ông yêu cầu chị H trả cho ông số tiền là 37.000.000đ. Trong các lần gom hụi thì anh G có đến nhà ông gom hụi và có lần anh G đến nhà ông đóng hụi cho ông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Mai Thị Tố M1 trình bày:

Bà là đầu thảo hụi, còn chị H và anh G là hụi viên. Hụi mở ngày 10/01(âl)/2020 mãn hụi ngày 10/01(âl)/2026, loại hụi mùa nhưng quy ra tiền là 2.000.000đ, có 17 phần, bốn tháng khụi hụi một lần, anh G và chị H tham gia một phần, anh G và chị H hốt hụi ở lần khui hụi thứ 2 được số tiền 24.000.000đ, sau đó thì anh G và chị H đóng lại hụi chết cho bà được 03 lần rồi ngưng không đóng nữa, bà phải choàng hụi cho chị H, anh G là 12 lần với số tiền là 24.000.000đ, chị H còn 01 dây hụi sống loại hụi 2.000.000đ do bà làm đầu thảo nên chị H trừ vào phần tiền hụi chết của dây hụi ngày 10/01(âl)/2020 với số tiền là 15.500.000đ nên chị H chốt hụi lại với bà là còn nợ lại bà là 8.500.000đ, trong các lần bà gom hụi thì có lần anh G đến nhà bà để đóng hụi cho bà. Nay bà yêu cầu anh G trả cho bà số tiền nợ hụi là 4.250.000đ. Bà yêu cầu chị H trả cho bà số tiền nợ hụi là 4.250.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Dương Văn B trình bày:

Ông là đầu thảo hụi còn anh G và chị H là hụi viên, hụi mờ ngày 09/10(âl)/2020 mãn hụi ngày 09/11(âl)/2023, loại hụi tiền 5.000.000đ, hai tháng khui hụi một lần, anh G và chị H tham gia 02 phần, có 20 phần. Cả hai phần hụi này thì anh G và chị H đã hốt hụi rồi. Sau khi hốt hụi thì anh G và chị H có đóng hụi chết lại ông nhưng đóng không đủ. Hai bên có chốt hụi là 110.000.000đ. Nay ông yêu cầu anh G trả số tiền nợ hụi là 55.000.000đ. Ông yêu cầu chị H trả cho ông số tiền nợ hụi là 55.000.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Ngọc P1 ủy quyền cho bà Trần Thị T3 trình bày:

Không nhớ năm nào anh P1 có cho vợ chồng chị H và anh G có mượn của anh P1 số tiền là 50.000.000đ, không có viết biên nhận, đề vợ chồng chị H và anh G trả tiền nợ hụi. Nay anh P1 yêu cầu anh G trả cho anh P1 số tiền là 25.000.000đ. Anh P1 yêu cầu chị H trả cho anh P1 số tiền là 25.000.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Cao Thị Cẩm H5 ủy quyền cho bà Trần Thị T3 trình bày:

Không nhớ năm nào chị H5 có cho vợ chồng chị H và anh G mượn của chị Hằng số tiền là 100.000.000đ, không có viết biên nhận. Nay chị H5 yêu cầu anh G trả cho chị Hằng số tiền là 50.000.000đ. Chị H5 yêu cầu chị H trả cho chị Hằng số tiền là 50.000.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị T3 trình bày:

Vào năm nào thì bà không nhớ, nhưng cách nay hơn một năm, bà có cho vợ chồng chị H và anh G mượn 30 chỉ vàng 24k và 350.000.000đ để anh G và chị H lo trả nợ hụi và chi xài trong gia đình, không có biên nhận. Nay bà rút lại yêu cầu, bà không yêu cầu khởi kiện

*** Tại bản án sơ thẩm số: 110/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long .**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 27, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị Cẩm H6.

Về hôn nhân: Cho chị Cao Thị Cẩm H6 được ly hôn với anh Dương Văn G.

Về con chung: Giao cháu Dương Hải Đ, sinh ngày 23/01/2012 và cháu Dương Ngọc Trăm A, sinh ngày 18/01/2021 cho chị Cao Thị C Hiên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Dương Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Cao Thị Cẩm H6 và anh Dương Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu: không yêu cầu Toa án giải quyết.

Về nợ chung phải trả:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thúy P, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, ông Trần Văn H1, ông Võ Văn H2, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị H4, ông Trần Văn Ú, bà Lê Thị M, bà Huỳnh Thị L, bà Võ Thị Thu T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Mai Thị Tố M1, ông Dương Văn B, chị Cao Thị Cẩm H5 và anh Phạm Ngọc P1 do bà Trần Thị T3 đại diện theo ủy quyền.

Buộc anh Dương Văn G phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi cho:

1. Chị Nguyễn Thúy P2 số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

2. Bà Nguyễn Thị T số tiền là 11.450.000đ (Mười một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Bà Nguyễn Thị N số tiền là 13.400.000đ (Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

4. Ông Trần Văn H1 số tiền 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Ông Võ Văn H2 số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

6. Ông Nguyễn Văn H3 số tiền là 6.525.000đ (Sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

7. Bà Nguyễn Thị H4 số tiền là 18.040.000đ (Mười tám triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

8. Ông Trần Văn Ú số tiền là 4.950.000đ (Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

9. Bà Lê Thị M số tiền là 18.975.000đ (Mười tám triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

10. Bà Huỳnh Thị L số tiền là 21.535.000đ (Hai mươi mốt triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

11. Ông Nguyễn Văn T2 số tiền là 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng).

12. Bà Mai Thị Tố M1 số tiền là 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

13. Ông Dương Văn B số tiền 60.00.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Buộc anh Dương Văn G phải có nghĩa vụ trả cho chị Cao Thị Cẩm H5 số tiền vay là 50.000.000đ và trả cho anh Phạm Ngọc P1 số tiền vay là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Buộc chị Cao Thị Cẩm H phải có nghĩa vụ trả tiền nợ hụi cho:

1. Chị Nguyễn Thúy P2 số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

2. Bà Nguyễn Thị T số tiền là 11.450.000đ (Mười một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Bà Nguyễn Thị N số tiền là 13.400.000đ (Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

4. Ông Trần Văn H1 số tiền là 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Ông Võ Văn H2 số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

6. Ông Nguyễn Văn H3 số tiền là 6.525.000đ (sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

7. Bà Nguyễn Thị H4 số tiền là 18.040.000đ (Mười tám triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

8. Ông Trần Văn Ú số tiền là 4.950.000đ (Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

9. Bà Lê Thị M số tiền là 18.975.000đ (Mười tám triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

10. Bà Huỳnh Thị L số tiền là 21.535.000đ (Hai mươi mốt triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

11. Ông Nguyễn Văn T2 số tiền là 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng).

12. Bà Mai Thị Tố M1 số tiền là 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

13. Ông Dương Văn B số tiền là 50.00.000đ (Năm mươi triệu đồng).

14. Bà Võ Thị Thu T1 số tiền là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Buộc chị Cao Thị Cẩm H phải có nghĩa vụ trả cho chị Cao Thị Cẩm H5 số tiền vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và trả cho anh Phạm Ngọc P1 số tiền vay là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của bà T3 về việc yêu cầu anh G và chị H trả 30 chỉ vàng 24K và số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí hôn nhân sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, thời hiệu thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 05/8/2024 anh G kháng cáo không đồng ý ly hôn với chị Cao Thị Cẩm H và không đồng ý trả các khoản nợ cho các đương sự gồm: Chị Nguyễn Thúy P2, số tiền 7.000.000đ; Bà Nguyễn Thị T, số tiền 11.450.000đ; Bà Nguyễn Thị N, số tiền 13.400.000đ; Ông Trần Văn H1, số tiền 10.500.000đ; Ông Võ Văn H2, số tiền 15.000.000đ; Ông Nguyễn Văn H3, số tiền 6.525.000đ; Bà Nguyễn Thị H4, số tiền 18.040.000đ; Ông Trần Văn Ú, số tiền 4.950.000đ; Bà Lê Thị M, số tiền 18.975.000đ; Bà Huỳnh Thị L, số tiền 21.535.000đ; Ông Nguyễn Văn T2, số tiền 37.000.000đ; Bà Mai Thị Tố M1, số tiền 4.250.000đ; Bà Cao Thị Cẩm H5, số tiền 50.000.000đ; Anh Phạm Ngọc P1, số tiền 25.000.000đ.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm*:

Nguyên đơn chị Cao Thị Cẩm H : Đồng ý trả nợ cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan như án sơ thẩm tuyên. Nay chị đồng ý một mình trả nợ cho bà Cao Thị Cẩm H5 100.000.000đồng; Anh Phạm Ngọc P1 50.000.000đồng không yêu cầu anh G cùng trả.

Bị đơn anh Dương Văn G rút yêu cầu kháng cáo về quan hệ hôn nhân. Về phần nợ anh G vẫn giữ nguyên yêu cầu không đồng ý trả tiền hụi cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người đại diện theo ủy quyền chị Cẩm H5, anh P1 là bà Trần Thị T3: Đồng ý kiến chị H, anh G.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thúy P2, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, ông Trần Văn H1, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị H4, ông Trần Văn Ú, bà Lê Thị M, bà Huỳnh Thị L, ông Nguyễn Văn T2, bà Mai Thị Tố M1: Thống nhất án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị giữ nguyên yêu cầu chị H, anh G trả nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu T1 trình bày: Yêu cầu một mình chị H trả số tiền 13.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của anh Dương Văn G, về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị áp dụng khoản 2,5 Điều 308,289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Sửa

án sơ thẩm; Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Dương Văn G về quan hệ hôn nhân; Về phần nợ: Buộc anh G trả các khoản nợ tiền hụi cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như án sơ thẩm đã tuyên.

Chị Cao Thị Cẩm H phải có nghĩa vụ trả cho chị Cao Thị Cẩm H5 số tiền vay là 100.000.000đ và trả cho anh Phạm Ngọc P1 số tiền vay là 50.000.000đ.

Về án phí sơ thẩm: Đương sự nộp theo quy định.

Về án phí phúc thẩm: Anh G không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Dương Văn G kháng cáo đã thực hiện đúng thủ tục và thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung :

Tại phiên tòa bị đơn anh Dương Văn G rút yêu cầu kháng cáo về quan hệ hôn nhân nên đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Khoản nợ vay của chị H5 100.000.000đồng và anh P1 50.000.000đồng chị H đồng ý một mình trả không yêu cầu anh G trả.

Xét kháng cáo về số nợ anh G phải trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Chị Nguyễn Thúy P2, số tiền 7.000.000đ; Bà Nguyễn Thị T, số tiền 11.450.000đ; Bà Nguyễn Thị N, số tiền 13.400.000đ; Ông Trần Văn H1, số tiền 10.500.000đ; Ông Võ Văn H2, số tiền 15.000.000đ; Ông Nguyễn Văn H3, số tiền 6.525.000đ; Bà Nguyễn Thị H4, số tiền 18.040.000đ; Ông Trần Văn Ú, số tiền 4.950.000đ; Bà Lê Thị M, số tiền 18.975.000đ; Bà Huỳnh Thị L,số tiền 21.535.000đ; Ông Nguyễn Văn T2, số tiền 37.000.000đ; Bà Mai Thị Tố M1, số tiền 4.250.000đ.

Xét thấy, đây là số nợ hụi đã được tòa sơ thẩm chia đôi, phía chị Cao Thị Cẩm H trả ½ và anh Dương Văn G trả nợ ½ cho những hụi viên trên là đúng vì: Chị Cao Thị Cẩm H có làm đầu thảo hụi; khi khui hụi thì khui tại nhà chị Cao Thị Cẩm H, anh Dương Văn G. Việc chị H làm đầu thảo hụi thì anh G có biết, khi khui hụi thì anh G có giúp chị H đi gom hụi. Tiền lời (huê hồng) chị H hưởng ở các lần khui hụi thì dùng lo cho cuộc sống chung gia đình, lo cho con chung. Nay những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan yêu cầu vợ chồng chị Cao Thị Cẩm H và anh Dương Văn G cùng trả số nợ hụi và chị H thừa nhận có số nợ hụi này. Phía anh G trình bày không biết số nợ hụi này là không có căn cứ, nên án sơ thẩm tuyên buộc anh G cùng chị H trả nợ và anh G có nghĩa vụ trả ½ số nợ hụi là có cơ sở nên không chấp nhận kháng cáo của anh G.

[3] Về án phí :

[3.1] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án nên án phí sơ thẩm được xác định lại theo khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Cao Thị Cẩm H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm: 19.081.000đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0008675 ngày 04/1/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Buộc chị Cao Thị Cẩm H phải nộp tiếp số tiền 19.081.000đồng.

Anh Dương Văn G chịu án phí dân sự sơ thẩm 11.431.000đồng.

Hoàn trả lại cho ông Dương Văn B số tiền 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho chị Cao Thị Cẩm H5 số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Thu T1 số tiền 325.000đ (Ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho anh Phạm Ngọc P1 số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị L số tiền 1.077.000đ (Một triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Trần Văn Ú số tiền 248.000đ (Hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H4 số tiền 902.000đ (Chín trăm lẽ hai nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H3 số tiền 326.000đ (Ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Trần Văn H1 số tiền 525.000đ (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 670.000đ (Sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Trần Thúy P số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

[3.2] Về án phí phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn anh Dương Văn G không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Đối với các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Dương Văn G ; Sửa Bản án sơ thẩm số: 110/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 4 Điều 147,khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ xét xử yêu cầu kháng cáo của anh Dương Văn G về quan hệ hôn nhân.

[2] Về nợ chung phải trả:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thúy P, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, ông Trần Văn H1, ông Võ Văn H2, ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị H4, ông Trần Văn Ú, bà Lê Thị M, bà Huỳnh Thị L, bà Võ Thị Thu T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Mai Thị Tố M1, ông Dương Văn B; chị Cao Thị Cẩm H5 và anh Phạm Ngọc P1 do bà Trần Thị T3 đại diện theo ủy quyền.

Buộc anh Dương Văn G phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi cho những người có tên sau đây:

1. Chị Nguyễn Thúy P2 số tiền là 7.000.000đ (bằng chữ: Bảy triệu đồng).

2. Bà Nguyễn Thị T số tiền là 11.450.000đ (bằng chữ: Mười một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Bà Nguyễn Thị N số tiền là 13.400.000đ (bằng chữ: Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

4. Ông Trần Văn H1 số tiền 10.500.000đ (bằng chữ: Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Ông Võ Văn H2 số tiền là 15.000.000đ (bằng chữ: Mười lăm triệu đồng).

6. Ông Nguyễn Văn H3 số tiền là 6.525.000đ (bằng chữ: Sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

7. Bà Nguyễn Thị H4 số tiền là 18.040.000đ (bằng chữ: Mười tám triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

8. Ông Trần Văn Ú số tiền là 4.950.000đ (bằng chữ: Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

9. Bà Lê Thị M số tiền là 18.975.000đ (bằng chữ: Mười tám triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

10. Bà Huỳnh Thị L số tiền là 21.535.000đ (bằng chữ: Hai mươi mốt triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

11. Ông Nguyễn Văn T2 số tiền là 37.000.000đ (bằng chữ: Ba mươi bảy triệu đồng).

12. Bà Mai Thị Tố M1 số tiền là 4.250.000đ (bằng chữ: Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

13. Ông Dương Văn B số tiền 60.00.000đ (bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng).

Buộc chị Cao Thị Cẩm H phải có nghĩa vụ trả tiền nợ hụi cho những người có tên sau đây:

1. Chị Nguyễn Thúy P2 số tiền là 7.000.000đ (bằng chữ:Bảy triệu đồng).

2. Bà Nguyễn Thị T số tiền là 11.450.000đ (bằng chữ: Mười một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Bà Nguyễn Thị N số tiền là 13.400.000đ (bằng chữ: Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

4. Ông Trần Văn H1 số tiền là 10.500.000đ (bằng chữ: Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Ông Võ Văn H2 số tiền là 15.000.000đ (bằng chữ: Mười lăm triệu đồng).

6. Ông Nguyễn Văn H3 số tiền là 6.525.000đ (bằng chữ: sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

7. Bà Nguyễn Thị H4 số tiền là 18.040.000đ (bằng chữ: Mười tám triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

8. Ông Trần Văn Ú số tiền là 4.950.000đ (bằng chữ: Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

9. Bà Lê Thị M số tiền là 18.975.000đ (bằng chữ: Mười tám triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

10. Bà Huỳnh Thị L số tiền là 21.535.000đ (bằng chữ: Hai mươi mốt triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

11. Ông Nguyễn Văn T2 số tiền là 37.000.000đ (bằng chữ: Ba mươi bảy triệu đồng)

12. Bà Mai Thị Tố M1 số tiền là 4.250.000đ (bằng chữ: Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

13. Ông Dương Văn B số tiền là 50.00.000đ (bằng chữ: Năm mươi triệu đồng).

14. Bà Võ Thị Thu T1 số tiền là 13.000.000đ (bằng chữ: Mười ba triệu đồng).

Buộc chị Cao Thị Cẩm H phải có nghĩa vụ trả cho chị Cao Thị Cẩm H5 số tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và trả cho anh Phạm Ngọc P1 số tiền vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Cao Thị Cẩm H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm: 19.081.000đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Cao Thị Cẩm H đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0008675

ngày 04/1/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Buộc chị Cao Thị Cẩm H phải nộp tiếp số tiền 19.081.000đồng (Mười chín triệu không trăm tám mươi mốt ngàn đồng).

Anh Dương Văn G chịu án phí dân sự sơ thẩm 11.431.000đồng (Mười một triệu bốn trăm ba mươi mốt ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Dương Văn B số tiền 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0008935 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Hoàn trả lại cho chị Cao Thị Cẩm H5 số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0008969 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Thu T1 số tiền 325.000đ (Ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0008973 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Hoàn trả lại cho anh Phạm Ngọc P1 số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0008970 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị L số tiền 1.077.000đ (Một triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0008975 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Hoàn trả lại cho ông Trần Văn Ú số tiền 248.000đ (Hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0008976 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H4 số tiền 902.000đ (Chín trăm lẽ hai nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0008974 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H3 số tiền 326.000đ (Ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0008972 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Hoàn trả lại cho ông Trần Văn H1 số tiền 525.000đ (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0008977 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 670.000đ (Sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0008978 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Hoàn trả lại cho ông bà Trần Thúy P số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0}0008980 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

[3.2] Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả anh Dương Văn G 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009287 ngày 05/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Vũng Liêm;
- CC THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Tư